

Hòa Bình là kết quả của Công Lý và Tình Liên Đới
(Is 32,17; Gc 3,18; Srs 39)

<http://www.congiaovietnam.net>

congiaovietnam@gmail.com

oOo

BÀI THƯƠNG KHÓ THEO THÁNH MÁT-THÊU

Giê-ru-sa-lem, Mùa Chay 2014

Linh Mục Giu-se Nguyễn Công Đoan, S.J.

Giám đốc Giáo Hoàng Học Viện Thánh Kinh Giê-ru-sa-lem

ncongdoansj@gmail.com

1. Nhận xét mở đầu.

1/ Trong Phụng Vụ Tuần Thánh hiện nay, ngày Chúa nhật Lễ Lá, chúng ta đọc Bài Thương Khó theo Thánh Mát-thêu (năm A); thánh Mac-cô (năm B); thánh Luca (năm C). Ngày Thứ Sáu Tuần Thánh thì năm nào cũng đọc Bài Thương Khó theo Thánh Gioan.

Cũng là một phần trong các sách Tin Mừng, nhưng người đọc không công bố theo công thức hàng ngày: “Tin Mừng Chúa Giê-su Ki-tô...”, cũng không chào chúc: “Chúa ở cùng anh chị em”, mà xưng: “Cuộc Thương Khó Đức Giê-su Ki-tô theo thánh...” Công thức phụng vụ này nhiều khi làm chúng ta quên rằng Cuộc Thương Khó cũng là Tin Mừng, và cùng với Tin Mừng Chúa Phục sinh làm thành cốt lõi của Tin Mừng Chúa Giê-su Ki-tô.

2/ Lời rao giảng đầu tiên của các Tông Đồ là công bố mầu nhiệm Chúa Giê-su chết và phục sinh. Trong các sách Tin Mừng, Chúa Giê-su loan báo cái chết và sự phục sinh của Chúa như hai thì của một biến cố duy nhất mà chúng ta gọi là “mầu nhiệm Vượt Qua”, Chúa Giê-su vượt qua cái chết để vào cõi sống và dắt chúng ta theo. Thời Trung Cổ, người ta thường vẽ Chúa Giê-su Phục Sinh bước ra khỏi mộ, một tay dắt ông A-dong, một tay dắt bà E-và; hoặc một tay cầm thánh giá, một tay dắt ông A-dong.

3/ Điều này giúp hiểu tại sao các sách Tin Mừng kể về cái chết của Chúa Giê-su với nhiều chi tiết diễn tả những đau đớn, nhục nhã nhưng không cay đắng, giận dữ, oán hận, trái lại rất điềm tĩnh, tế nhị và tinh vi nêu lên những nét mà những người xét xử, hành hạ, sỉ nhục Chúa Giê-su tưởng mình thắng thế, nhưng lại vô tình làm theo những gì đã được báo trước trong Kinh Thánh. Chính yếu tố “hợp như lời Thánh Kinh” này giúp ta nhìn ra ý nghĩa thật của cái chết và sự phục sinh của Chúa Giê-su.

4/ Trong các sách Tin Mừng, trình thuật Cuộc Thương Khó và Phục Sinh của Chúa Giê-su nằm ở cuối sách, nhưng trong quá trình loan báo Tin Mừng thì đây là điểm khởi đầu. Những người nghe lời công bố Tin Mừng và tin nhận Đức Giê-su Na-da-rét là Đấng Ki-tô, là Con Thiên Chúa thì thông hội và chịu phép Rửa. Họ họp với các môn đệ thành cộng đoàn tín hữu đầu tiên “chuyên cần nghe các Tông Đồ giảng dạy, luôn luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện không ngừng” (Cv 2,42).

Ở giai đoạn “giảng dạy” này các Tông Đồ mới đưa người tín hữu ngược dòng, tìm hiểu những lời giáo huấn và những việc Chúa Giê-su đã làm trước đó, dưới ánh sáng của biến cố chết và Phục sinh là biến cố làm cho người ta nhận ra Chúa Giê-su là Đấng Ki-tô, là Con Thiên Chúa, là Đấng Cứu Độ trần gian. Sách Tin Mừng thu tập các yếu tố đã khai triển trong quá trình giảng dạy này và trình bày “mạch lạc” (x. Lc 1,1-4), nghĩa là giúp cho người đọc thấy được cuộc sống, hành động và lời rao giảng của Chúa và cuộc Thương Khó cùng sự phục sinh của Chúa ăn khớp với nhau như thế nào.

5/ Vì thế trình thuật Cuộc Thương Khó và Phục sinh trong mỗi sách Tin Mừng cũng có những tính cách riêng và phải đọc trong mạch văn của mỗi sách Tin Mừng mới hiểu được; lý do là mỗi sách Tin Mừng có một cách nhìn riêng về Chúa Giê-su, cách nhìn này chi phối sự lựa chọn tư liệu, thứ tự và cách thức trình bày, ăn khớp với nhau từ đầu đến cuối. Điều rất quan trọng là đừng “xào chung” bốn bài Thương Khó với nhau hay bài Thương Khó trong sách Tin Mừng này với các yếu tố trong toàn bộ sách Tin Mừng khác, vì sẽ tự gây những thắc mắc khó khăn. Xin minh họa bằng một thí dụ: trong sách Tin Mừng Mt 5,39 và Lc 6,29, Chúa Giê-su bảo: “Ai vả anh má bên này thì hãy giơ cả má bên kia nữa!”, nhưng trong sách Tin Mừng Gioan 18,22-23, khi tên thuộc hạ của Thượng Tế vả vào mặt Chúa để trấn áp thì Chúa không đưa má bên kia mà lại hỏi anh ta: “Nếu tôi nói sai, anh chứng minh xem sai ở chỗ nào; còn nếu tôi nói phải, sao anh lại đánh tôi”. Nếu xào chung thì hóa ra Chúa không thực hành lời Chúa dạy môn đệ à? Trong Mt và Lc, Chúa dạy về thái độ không trả thù và hóa giải bạo lực: suốt cuộc Thương Khó Chúa im lặng chấp nhận mọi sự hành hạ sỉ nhục, “để lại tấm gương cho chúng ta” như thánh Phê-rô nói (x. I Pr 3,21-23); còn trong TM Gioan, Chúa Giê-su phải “làm chứng cho sự thật” nên Chúa không cho phép ai dùng bạo lực trấn áp sự thật.

2. Những yếu tố giúp hiểu bài Thương Khó theo thánh Mát-thêu.

1/ “Ông phải đặt tên cho con trẻ là Giê-su, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ”

2/ “Em-ma-nu-en, Chúa ở cùng chúng ta”

3/ “Người đã mang lấy các tội nguyên của ta và gánh lấy các bệnh hoạn của ta” (8,17).

4/ “Người đưa công lý đến toàn thắng và muôn dân đặt niềm hy vọng nơi danh Người” (12,17-21).

5/ “Khi Đức Giê-su giảng dạy tất cả những điều ấy xong...”

6/ “Đây là máu Thầy, Máu Giao ước, đổ ra cho muôn người được tha tội”

7/ Ba lần Chúa Giê-su báo trước.

Như đã nói ở trên, quá trình khai triển sự hiểu biết về mầu nhiệm Chúa Giê-su Ki-tô đi từ mầu nhiệm Khổ Nạn - Phục sinh ngược lên, nhưng khi viết sách Phúc Âm thì lại đi xuôi từ đầu cuộc sống của Chúa Giê-su.

1-2/ Giê-su – Em-ma-nu-en: Truyền thống rao giảng Tin Mừng trong đó sách Tin Mừng Mát-thêu được viết ra, đã ngược lên tới thời thơ ấu của Chúa Giê-su, cho thấy Tin Mừng ơn cứu độ không chỉ bắt đầu từ lúc Chúa Giê-su chịu phép rửa (x. Cv 1,21-22), nhưng ngay từ khi thành thai trong lòng Đức Mẹ Đồng Trinh Maria (Tin Mừng thời thơ ấu), Người đã là Đấng Ki-tô, “Đấng Cứu dân mình khỏi tội lỗi của họ”. Tin Mừng thời thơ ấu theo thánh Mát-thêu cho thấy toàn thể mầu nhiệm Chúa Giê-su là sự thực hiện lời Thiên Chúa hứa cho tổ phụ Ap-ra-ham và Đa-vít. Chúa Giê-su vừa là điểm tới của lời hứa ban dòng dõi theo huyết nhục, vừa là khởi đầu mới để lời hứa được thực hiện qua một dòng dõi mới, không phải do huyết nhục nhưng do Thánh Thần. Khi sinh làm người, Chúa Giê-su đã là “Thiên Chúa ở cùng chúng ta” để thiết lập Giao Ước Mới, nhưng khi đã chết và phục sinh để nhận mọi quyền trên trời dưới đất, thì Chúa là “Thiên Chúa ở cùng chúng ta mọi ngày cho đến tận thế” và muôn dân được vào trong Giao Ước bằng Máu của Chúa, nhờ chịu phép rửa và tuân giữ mọi điều Chúa truyền dạy.

3/ Người tôi tớ đau khổ: Chết và phục sinh là cách Chúa cứu dân mình khỏi tội lỗi của họ. Tại sao lại như vậy? Sách Tin Mừng Mt dẫn chúng ta vào mầu nhiệm này bằng cách vạch cho thấy đó là kế hoạch của Thiên Chúa đã được các ngôn sứ loan báo. Ngay sau bài giảng trên núi (công bố Luật của Giao Ước Mới, chúng ta sẽ trở lại điểm này), Chúa Giê-su bắt đầu chữa lành bệnh tật, vốn được coi là hậu quả của tội lỗi, Mt lý giải bằng cách cho thấy đó là ứng nghiệm lời loan báo về người tôi tớ đau khổ trong sách Isaia 53,4: “Người đã mang lấy các bệnh hoạn tật nguyền của ta”.

Bài ca “người tôi tớ đau khổ” (Is 52,13 - 53,12) được cả bốn sách tin Mừng vận dụng để giải nghĩa cái chết và sự phục sinh của Chúa, mỗi sách vận dụng một cách khác nhau; Mt trích dẫn rõ ràng ở đây để cho thấy rằng khi chữa lành bệnh tật thì không phải Chúa xua trừ nó, nhưng là mang lấy vào thân mình. Mc theo phong cách khác trong nghệ thuật kể chuyện, không trích dẫn, nhưng kể rằng sau khi đưa tay chạm vào người phong cùi để cho người ấy được lành thì Chúa Giê-su không thể công khai vào thành nào được mà ở lại nơi hoang vắng (thế chỗ người phong cùi!) (Mc 1,45 và Is 53,3). Bài ca này còn chứa nhiều yếu tố khác sẽ được ứng nghiệm trong mầu nhiệm Chúa Giê-su chết và Phục Sinh. Lc dùng như một sơ đồ để viết trình thuật cuộc Thương Khó.

4/ Người tôi tớ hiền lành: Sau bài giảng về cung cách và số phận của người được sai đi loan báo Tin Mừng (Mt 10), trong đó Chúa Giê-su đã nói đến sự bách hại và điều kiện để làm môn đệ, Mt tiếp tục kể việc Chúa Giê-su đi rao giảng, chữa lành và khi bị chống đối thì Chúa lánh đi và cấm người ta không được tiết lộ Người là ai. Để lý giải thái độ này của Chúa, Mt 12,16-21 trưng dẫn bài ca thứ nhất về người tôi tớ của Thiên Chúa trong Is 42,1-7. Hiền lành, khiêm nhường, tinh lặng là cung cách của người tôi tớ “không yêu

hèn, không chịu phục cho đến khi thiết lập công lý trên địa cầu”. Chúa Giê-su mời gọi “Hãy mang lấy ách của tôi và hãy học với tôi, vì tôi có lòng hiền hậu và khiêm nhường. Tâm hồn anh em sẽ được nghỉ ngơi bồi dưỡng. Vì ách tôi êm ái, gánh tôi nhẹ nhàng” (Mt 11,29-30). Cung cách hiền lành, khiêm nhường và thình lặng sẽ thể hiện tuyệt vời trong cuộc Thương Khó, qua đó Chúa Giê-su sẽ thực hiện sứ mạng Thiên Chúa trao như được diễn tả trong bài ca: “Ta đã gọi người vì muốn làm sáng tỏ Đức Công Chính của Ta. Ta đã nắm tay người, giữ gìn người và đặt làm giao ước với dân, làm ánh sáng chiếu soi muôn nước, để mở mắt cho những ai mù lòa, đưa ra khỏi tù những người bị giam giữ, dẫn ra khỏi ngục những kẻ ngồi trong chốn tối tăm” (Is 42,6-7). Mt sẽ cho thấy khi chết là lúc Chúa Giê-su đi vào phá ngục tù của cõi chết mà đưa những người bị giam giữ trong đó ra khỏi tù.

5-6/ Tin Mừng thời thơ ấu của Mt đã có nhiều ám chỉ, so sánh với chuyện Mô-sê và dân It-ra-en trong sách Xuất Hành. Cấu trúc phần thân của sách Mt gom lời giảng dạy của Chúa Giê-su thành 5 bài giảng, khiến chúng ta không thể không nghĩ tới Ngũ Thư (5 cuốn sách đầu của Cựu Ước) được coi là Luật Giao Ước do Mô-sê ghi chép. Bài giảng đầu tiên là bài giảng trên núi, trong đó Mt trình bày Chúa Giê-su như là “Thiên Chúa ở cùng chúng ta” để mở miệng dạy dỗ chúng ta: “Thấy đám đông dân chúng, Đức Giê-su lên núi. Người ngồi xuống, các môn đệ đến gần bên. Người mở miệng dạy họ rằng...” (bản dịch CGKPV 1999 - đáng tiếc là lần tái bản năm 2008, nhóm “CGKPV” đã bỏ cách dịch này vốn theo sát bản Hy Lạp, làm mất đi một khía cạnh quan trọng của sự tương phản với cảnh trên núi Xi-nai như thấy sau đây).

Quang cảnh và cách Thiên Chúa nói trong sách Xuất Hành 19-20 thật là khác:

“Ông Mô-sê đưa dân ra khỏi trại để nghênh đón Thiên Chúa; họ đứng dưới chân núi. Cả núi Xi-nai nghi ngút khói, vì Đức Chúa ngự trong đám lửa mà xuống; khói bốc lên như khói lò lửa và cả núi rung chuyển mạnh... Ông Mô-sê nói và Thiên Chúa trả lời trong tiếng sấm” (Xh 19,17-18).

Kết quả là: “Khi nghe tiếng sấm sét, tiếng tù và, khi thấy ánh lửa và núi bốc khói, toàn dân sợ hãi run rẩy và đứng xa xa. Họ nói với ông Mô-sê: “Xin chính ông nói với chúng tôi, chúng tôi mới dám nghe; nhưng xin Thiên Chúa đừng nói với chúng tôi, kẻo chúng tôi chết mất” (Xh 20,18-19).

Lời truyền dạy của Chúa Giê-su là Luật của Giáo Ước Mới. Trong bài giảng này Chúa Giê-su không bãi bỏ luật Mô-sê nhưng làm cho nó nên trọn vẹn. Luật Giao Ước Mới được ghi trong lòng, trong tim nên phải tuân giữ tận đáy lòng, phải thực hành với cả tấm lòng chứ không phải chỉ bề ngoài (x. Gr 31,33-34 và Ed 36,25-27).

Mỗi bài giảng đều kết thúc với một câu chuyện tiếp giống nhau:

“khi Đức Giê-su giảng dạy những điều ấy xong, đám đông dân chúng sùng sốt” (7,26);

“khi Đức Giê-su ra chỉ thị cho mười hai môn đệ xong, Người rời chỗ đó” (11,1);

“khi Đức Giê-su kể các dụ ngôn ấy xong, Người đi khỏi nơi đó” (13,53);

“khi Đức Giê-su giảng dạy những điều ấy xong, Người rời khỏi miền Ga-li-lê” (19,1);

“khi Đức Giê-su giảng dạy TẤT CẢ những điều ấy xong, Người bảo các môn đệ của Người rằng: ‘Anh em biết còn hai ngày nữa là đến lễ Vượt Qua, và Con Người sắp bị nộp để chịu đóng đinh vào thập giá’” (26,1).

Sau bài giảng trên núi, câu chuyện tiếp nêu phản ứng của dân chúng, cấu trúc tương tự trong sách Xuất Hành, nhưng nội dung khác hẳn: “Khi nghe tiếng sấm sét, tiếng tù và, khi thấy ánh lửa và núi bốc khói, toàn dân sợ hãi run rẩy và đứng xa xa. Họ nói với ông Mô-sê: “Xin chính ông nói với chúng tôi, chúng tôi mới dám nghe; nhưng xin Thiên Chúa đừng nói với chúng tôi, kẻo chúng tôi chết mất” (Xh 20,18-19). Còn khi nghe Đức Giê-su thì “đám đông dân chúng sùng sốt về lời giảng dạy của Người, vì Người giảng dạy như một Đấng có uy quyền, chứ không như các kinh sư của họ” (Mt 7,28-29). Dân ở núi Xi-nai nghe sấm sét thì sợ, xin Mô-sê nói, đừng để Thiên Chúa nói. Kinh sư giảng dạy Luật Mô-sê, chỉ lặp lại những gì đã nghe chứ không dám nói điều gì mới. Chúa Giê-su giảng dạy như một Đấng có uy quyền, hơn cả Mô-sê, vì Người là “Thiên Chúa ở cùng chúng ta” để “ngồi trên núi và mở miệng” rao truyền Luật Giao Ước Mới.

Sau bài giảng 2, 3, 4 câu chuyện tiếp nêu sự di chuyển trong không gian: rời chỗ đó, đi khỏi nơi đó, rời khỏi miền Ga-li-lê (bản dịch ở đây sát với bản Hy Lạp).

Sau bài giảng thứ năm, câu chuyện tiếp có thêm một yếu tố: TẤT CẢ, và không nêu di chuyển trong không gian, nhưng loan báo biến cố sắp xảy ra: “hai ngày nữa là lễ Vượt Qua và Con Người sắp bị nộp để chịu đóng đinh vào thập giá.” Điều Chúa đã báo trước 3 lần, bây giờ sắp xảy ra: hai ngày nữa.

Câu chuyện tiếp này gợi lại lời ở cuối sách Đệ Nhị Luật: “khi ông Mô-sê đã nói xong tất cả những lời ấy với toàn thể It-ra-en, thì ông bảo họ...” (32,45).

Nhưng lời Chúa Giê-su bảo môn đệ “hai ngày nữa là lễ Vượt Qua và Con Người sắp bị nộp để chịu đóng đinh vào thập giá” lại gợi nhớ việc lập Giao Ước trong Xh 24,1-8:

“Thiên Chúa phán với ông Mô-sê: Hãy lên với Đức Chúa...”

Ông Mô-sê xuống thuật lại cho dân mọi lời của Đức Chúa và mọi điều luật...

Ông Mô-sê chép lại mọi lời Đức Chúa...

Sáng hôm sau ông Mô-sê dạy sớm... Ông Mô-sê sai các thanh niên trong dân It-ra-en dâng những lễ toàn thiêu, và ngả bò làm hy lễ kỳ an tế Đức Chúa. Ông Mô-sê lấy một nửa phần máu đổ vào những cái chậu, còn nửa kia thì rảy lên bàn thờ.

Ông lấy cuốn sách Giao Ước đọc cho dân nghe. Họ thưa: “Tất cả những gì Đức Chúa đã phán, chúng tôi sẽ thi hành và tuân theo.” Bấy giờ, ông Mô-sê lấy máu rảy lên dân và nói: “Đây là máu giao ước Đức Chúa đã lập với anh em, dựa trên những lời này”.

Trình tự diễn biến sau đó đối chiếu sát đoạn sách Xuất Hành:

“Ngày thứ nhất trong tuần Bánh Không Men, các môn đệ đến thưa với Đức Giê-su: Thầy muốn chúng con dọn cho Thầy ăn lễ Vượt Qua ở đâu?”

“Chiều đến, Đức Giê-su vào bàn tiệc với mười hai môn đệ... Rồi Người cầm lấy chén rượu... ‘Đây là Máu Thầy, Máu Giao Ước, đổ ra cho muôn người được tha tội...’”

Trong sách Xuất Hành, theo lời Thiên Chúa truyền, ông Mô-sê lên với Đức Chúa trên núi và “xuống thuật lại cho dân mọi lời của Đức Chúa”.

Trong Tin Mừng Mt 24,1-26,1 chúng ta gặp lại Chúa Giê-su trên núi, lần này thì núi có tên:

“Chúa Giê-su ngồi trên núi Ô-liu, các môn đệ tới gặp riêng Người và thưa: “Xin Thầy nói cho chúng con biết...”

Kết thúc: “khi Đức Giê-su giảng dạy TẤT CẢ những điều ấy xong,” Người bảo các môn đệ của Người rằng: “Anh em biết còn hai ngày nữa là đến lễ Vượt Qua, và Con Người sắp bị nộp để chịu đóng đinh vào thập giá”.

Khi Chúa Giê-su đổ máu mình ra và chết trên thánh giá, chính là lúc Chúa lập Giao ước bằng Máu của Chúa. Mặc dù trong bản văn Mt Chúa Giê-su chỉ nói Giao Ước, không có chữ “Mới” như trong bản văn Lc, nhưng đây là Giao Ước bằng Máu của Chúa chứ không phải bằng máu các con vật như ở núi Xi-nai, và máu này lại đem ơn tha tội nữa, nên đương nhiên là Giao Ước Mới.

7/ Đến đây còn phải chú ý tới một điều trong thân sách Tin Mừng Mt, đó là ba lần Chúa Giê-su báo trước cuộc Thương Khó và Phục Sinh. Mặc dù trong bài giảng về thân phận người được sai đi loan báo Tin Mừng Chúa Giê-su đã nói đến điều kiện để theo Chúa, trong đó có sự bách hại và sự từ bỏ gia đình, Chúa vẫn chưa nói đến thập giá. Chỉ sau khi thánh Phê-rô tuyên xưng “Thầy là Đấng Ki-tô Con Thiên Chúa hằng sống”, Chúa mới bắt đầu nói đến việc Chúa phải lên Giê-ru-sa-lem và bị giết chết và ngày thứ ba sống lại. Sau đó Chúa nói đến điều kiện để theo Chúa là “từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo”. Như vậy cuộc Thương Khó là con đường Chúa phải đi qua mới nhận được

quyền năng của Đấng Ki-tô Con Thiên Chúa hằng sống. Sau khi Phục Sinh Chúa mới tuyên bố “Thầy đã được trao toàn quyền trên trời dưới đất... Thầy ở với anh em mọi ngày cho đến tận thế” (28,20).

Chết và phục sinh là cuộc tấn phong của Đức Ki-tô, là sự hiển linh trọn vẹn của “Thiên Chúa ở cùng chúng ta”.

3. Chúa Giê-su tự ý đón nhận cuộc Thương Khó.

Cuộc thương khó không phải là một bất ngờ với Chúa Giê-su, vì Chúa đã báo trước ba lần, và khi kết thúc hoạt động rao giảng, Chúa báo rõ: “Còn hai ngày nữa...” (26,1).

Phe lãnh đạo họp nhau âm mưu thủ tiêu Chúa Giê-su cho gọn lẹ, không để dân chúng can thiệp. Trong khi ấy Chúa Giê-su dùng bữa tại nhà một người từng bị phong cùi và đón nhận chai dầu thơm quý giá do một người phụ nữ trút lên đầu Chúa, coi như chuẩn bị mai táng Chúa.

Đa-vít được Sa-mu-en đổ nguyên một sừng dầu lên đầu để xức dầu cho ông làm vua (I Sm 16,1-13). Chúa Giê-su cũng sắp nhận mọi quyền trên trời dưới đất qua cái chết và phục sinh, nên Chúa chấp nhận được xức dầu.

Người ta nhân danh người nghèo để coi đó là phí phạm, thì Chúa nhận mình là một người nghèo đặc biệt “không có mái đầu”. Nghĩa tử là nghĩa tận, chỉ có thể mai táng Chúa một lần thôi. Người nghèo thì người ta luôn có bên cạnh. Cử chỉ của người phụ nữ này được gắn liền với Tin Mừng về cuộc khổ nạn và phục sinh của Chúa: “Tin Mừng này được loan báo ở đâu trong thiên hạ, thì người ta cũng sẽ kể lại việc cô vừa làm mà nhớ tới cô”. Trước khi Chúa lập bí tích Thánh Thể để chúng ta làm mà nhớ tới Chúa thì Chúa đã bảo “kể lại việc này mà nhớ tới cô”. Mt không cho chúng ta biết tên người phụ nữ này, chúng ta chỉ nhớ đến “người phụ nữ đã đổ dầu thơm lên đầu Chúa Giê-su để chuẩn bị mai táng”. Đứng trước cái chết của Chúa thì người ta chỉ có thể làm một điều: yêu mến và biết ơn. Người phụ nữ không tên này là khung hình để trống cho mỗi người ghép hình của mình vô.

Đổi ngược với hình ảnh người phụ nữ yêu mến và quảng đại, Mt tả Giu-đa, một người trong nhóm Mười Hai là những người thân tín nhất của Chúa, như một kẻ tham tiền đi bán Thầy.

Trong khi người ta âm mưu giết Chúa và một người trong nhóm 12 tiếp tay cho họ, thì Chúa Giê-su sai môn đệ đi dọn ăn lễ Vượt Qua. Trong bữa ăn này Chúa cho nhóm 12 biết là một người trong các ông sẽ nộp Chúa, rồi Chúa lập bí tích Thánh Thể như bí tích của Giao Ước Mới. Người ta mưu giết Chúa nhưng Chúa dùng bàn tay sát nhân của họ để hoàn thành sứ mạng của Chúa.

Chúa lại ra núi Ô-liu để chính thức đi vào cuộc khổ nạn từ chính nơi Chúa đã báo: hai ngày nữa! Chúa cũng chấp nhận cả sự phũ phàng là đêm nay đàn chiên của Chúa sẽ tan tác: nhóm 12 sẽ bỏ Chúa và Phê-rô, người đã tuyên xưng “Thầy là Đấng Ki-tô Con Thiên Chúa Hằng Sống” sẽ chối Chúa nhanh hơn gà gáy. Chúa chấp nhận tất cả và Chúa báo cho họ biết là Chúa sẽ trỗi dậy và về Ga-li-lê trước họ. Hẹn gặp lại ở Ga-li-lê, nơi Ngài và các môn đệ đã bắt đầu, để lại bắt đầu.

Chúa đi vào cầu nguyện để thưa “VÂNG” với Chúa Cha. Một mình đối diện với Chúa Cha thì Chúa Giê-su không dấu nổi buồn rầu xao xuyến: “Tâm hồn Thầy buồn đến chết được”. Nhóm 12 đã bỏ Chúa từ lúc này rồi. Ba người thân tín nhất cũng bỏ Chúa một mình, không thức nổi với Chúa. Ba lần cầu nguyện, Chúa chỉ làm một việc là nộp mình để thi hành ý muốn của Cha. Chúa đã chiến thắng nỗi “buồn đến chết được” để ra đón cái chết: “Đứng dậy, ta đi nào! Kìa kẻ nộp Thầy đã tới!”

Chúa Giê-su đã chiến thắng trong cầu nguyện rồi nên giờ đây Chúa hoàn toàn làm chủ tình hình: Chúa ra đón kẻ phản nộp và những kẻ đến bắt Chúa. Chúa vạch cho Giu-đa thấy ông ta đang làm gì, Chúa ra lệnh cho môn đệ không dùng bạo lực, hãy để cho kế hoạch của Thiên Chúa thể hiện.

Chúa vạch trần sự ám muội của những kẻ đến bắt Chúa và cho thấy mọi toan tính của họ không qua khỏi kế hoạch của Thiên Chúa mà các ngôn sứ đã loan báo.

4. Phi pháp.

Luật Rô-ma cũng như luật Mô-sê đều không chấp nhận bắt người ban đêm trừ khi là bắt quả tang trộm cướp. Vì thế Chúa Giê-su bảo bọn thủ lãnh và sai nha đến bắt Chúa: “Tôi là một tên cướp sao mà các ông đem gươm giáo gây gộc đến bắt tôi...” Rồi Chúa cho biết đó là “để ứng nghiệm lời chép trong sách các ngôn sứ.” Bài ca “người tôi tớ đau khổ” đã nói “Người bị liệt vào hàng tội nhân” (Is 53,12).

Không có luật pháp nào cho phép xét xử ban đêm, thế nhưng kinh sư và kỳ mục đã tụ họp sẵn tại nhà thương tế Cai-pha chờ sai nha giải Chúa Giê-su tới. Họ họp nhau không phải để xét xử, nhưng là “tìm lời chứng gian buộc tội Đức Giê-su để lên án tử hình”. Hôm trước họ đã họp nhau “bàn tính dùng mưu bắt Đức Giê-su” (26,4), bây giờ bắt được rồi thì phải tính bước tiếp theo: “tìm lời chứng gian”. Họ thất bại thê thảm: “Nhưng họ không tìm ra, mặc dầu có nhiều kẻ đã đứng ra làm chứng gian”. Chúa Giê-su là Đấng Công Chính, trong sáng đến nỗi tìm chứng gian cũng không nổi!

Đến lúc Thượng Tế Cai-pha chứng tỏ bản lãnh của ông: tìm chứng gian không được thì ông phải dựa vào sự thật để kết án tử hình: “nhân danh Thiên Chúa hằng sống, tôi truyền cho ông phải nói cho chúng tôi biết: ông có phải là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa không?” Chúa Giê-su vẫn thình lạng khi người ta tìm chứng gian. Bây giờ Thượng Tế đòi biết sự thật nhân danh Thiên Chúa hằng sống. Sự thật ấy chính ông ta phát biểu, trùng với lời

tuyên xưng của thánh Phê-rô lúc ở Ga-li-lê. Chúa Giê-su xác nhận lời ông nói và còn giải thích thêm bằng lời trong sách Da-ni-en 7,13. Thượng Tế hùng hồn minh họa lời phán xét bằng cử chỉ xé áo: “Hắn nói phạm thượng! Chúng ta cần gì nhân chứng nữa? Đây, quý vị vừa nghe hắn nói phạm thượng, quý vị nghĩ sao?”

“Họ liền đáp: nó đáng chết!” Thượng tế thành công một trăm phần trăm! Họ hả hê đắc thắng. Chúa Giê-su tiếp tục im lặng, mặc cho họ đấm đánh, khắc nhổ vào mặt và chế diễu. Người tôi tớ bị ngược đãi của bài ca thứ ba Is 50,4-9 đang ở trước mắt chúng ta: “Tôi đã đưa lưng cho người ta đánh đòn, đưa má cho người ta giạt râu. Tôi đã không che mặt khi bị mắng nhiếc phỉ nhổ”.

5. Phê-rô khóc lóc thảm thiết.

Phê-rô đã thề thốt quyết liệt: “Dầu có phải chết với Thầy, con cũng không chối Thầy. Tất cả các môn đệ cũng đều nói như vậy” (26,35). Nhưng khi Chúa Giê-su đã tự nộp mình thì “bấy giờ tất cả các môn đệ bỏ Người mà chạy trốn hết” (26,56).

Có một người tỏ ra lì hơn: “Ông Phê-rô theo Người xa xa, đến tận dinh thượng tế. Ông vào bên trong ngồi với đám thuộc hạ, xem kết cuộc ra sao?”

Kết cuộc là thế này đây: đang khi trong đại sảnh, thượng tế dùng đến thủ đoạn cuối cùng để yêu cầu Chúa Giê-su xác nhận điều ông Phê-rô đã tuyên xưng khi còn ở Ga-li-lê: “Lúc ấy ông Phê-rô ngồi ngoài sân. Một người tớ gái đến bên ông và nói: ‘Cả bác nữa, bác cũng đã ở với ông Giê-su, người Ga-li-lê!’ Ông liền chối trước mặt mọi người: ‘Tôi không biết cô muốn nói gì!’”

Chuyện lặp lại nguyên văn với một người tớ gái khác. Lần thứ ba thì không phải một tớ gái mà là cả bọn đứng đó nhao nhao lên: “Đúng là bác cũng thuộc nhóm họ. Cứ nghe giọng nói của bác là biết ngay”. Bị bắt thóp, hết đường chối, ông Phê-rô cũng dùng biện pháp cuối cùng, đối xứng với thượng tế ở trong kia: “Bấy giờ ông liền thốt lên những lời độc địa và thề rằng: ‘Tôi không biết người ấy!’”.

Nhưng có một lời mạnh hơn lời thề độc địa của ông: “Lúc đó gà liền gáy. Ông sực nhớ lời Đức Giê-su đã nói: ‘Gà chưa kịp gáy thì anh đã chối Thầy đến ba lần!’”.

Tim ông tan chảy khi nhớ lại lời ấy: “Ông ra ngoài khóc lóc thảm thiết”.

6. Giu-đa không biết khóc.

Cuộc họp ban đêm kết thúc với lời hô hoán: “Nó đáng chết!”. Nhưng chuyện không đơn giản, vì muốn giết được Chúa Giê-su phải qua tay tổng trấn Rô-ma là Phi-la-tô. “Trời vừa sáng, tất cả các thượng tế và kỳ mục trong dân bàn kế hại Đức Giê-su để giết được Người. Rồi họ trói Người lại và điệu đi nộp cho tổng trấn Phi-la-tô”.

Phê-rô theo vào trong sân để xem kết cuộc ra sao. Kết cuộc là ông chửi Chúa ba lần trước khi gà gáy, rồi nhờ tiếng gà gáy ông nhớ lại lời Chúa Giê-su và “ra ngoài khóc lóc thảm thiết”.

Mt không cho biết Giu-đa ở đâu trong đêm ấy.

Đến khi “họ trói Chúa Giê-su lại và điệu đi nộp cho cho tổng trấn Phi-la-tô” thì Mt cho chúng ta gặp lại Giu-đa: “Bấy giờ Giu-đa, kẻ đã nộp Người, thấy Người bị kết án thì hối hận”.

Làm sao bây giờ?

Giu-đa không nhớ lại lời nào của Chúa, nhưng nhớ lại lời những kẻ đã ngã giá với ông và quay lại gặp họ: “Hắn đem ba mươi đồng bạc trả lại cho các thượng tế và kỳ mục mà nói: ‘Tôi đã phạm tội nộp máu người vô tội’”.

Thật phũ phàng. Họ đâu phải là bạn hữu của Giu-đa. Tiền trao cháo múc. Chúa Giê-su đã vào tay họ, tiền đã trao tay Giu-đa: “Can gì đến chúng tôi. Mặc kệ anh.”

Đất sụp dưới chân Giu-đa. Không còn ai, không còn gì trên mặt đất níu ông lại.

Giu-đa bỗng thấy mình lơ lửng giữa trời và đất. Ông chọn ở lại trong tư thế này.

Sợi giây vĩnh viễn không bao giờ cho tiếng khóc bật lên từ cổ họng ông được nữa.

7. Phi-la-tô và máu người vô tội.

Các tổng trấn Rô-ma cai trị xứ Giu-đa từ khi A-khê-la-ô con của Hê-rô-đê Cả bị phát lưu (năm 6 sau CGS), chẳng có vị nào yêu thương cái dân bị trị này. Họ chỉ đua nhau tàn ác và bóc lột. Phi-la-tô sau này cũng sẽ bị phát lưu vì quá tàn bạo.

Hôm nay lãnh đạo dân Giu-đa lại tỏ ra phục quyền, dẫn một người đến xin ông Phi-la-tô xử. Phi-la-tô chỉ hỏi Chúa một câu: “Ông có phải là vua dân Do Thái không?” Chúa cũng chỉ trả lời một lần. Câu trả lời của Chúa nghe bí ẩn: “Chính ngài nói đó”.

Những kẻ tố cáo thì um sùm. Chúa Giê-su chỉ im lặng. “Tổng trấn Phi-la-tô rất đỗi kinh ngạc”. “Thật vậy, ông thừa biết vì ghen tị mà họ nộp Người.”

Bà vợ làm cho ông thêm lúng túng với lời nhắn: “Ông đừng nhúng tay vào vụ xử người công chính này, vì hôm nay, tôi chiêm bao thấy mình phải khổ nhiều vì ông ấy”.

Phi-la-tô phải đối diện với những kẻ đòi giết. Làm sao né vụ này đây. Phi-la-tô đề nghị tráo con bài:

Tráo mạng Giê-su, người vô tội bằng mạng “một người tù khét tiếng tên là Ba-ra-ba”. Phi-la-tô tính sai nước cờ. Ba-ra-ba là người của họ! Họ xúi dân (đám đông có mặt đó) hô “Ba-ra-ba!”. Phi-la-tô ra mặt bênh người vô tội: “Thế ông ấy đã làm điều gì gian ác?” Nhưng họ chỉ muốn giết, không cần lý do gì cả: “Đóng đinh nó vào thập giá”.

“Ông Phi-la-tô thấy đã chẳng được ích gì mà còn thêm náo động, nên lấy nước rửa tay trước mặt đám đông mà nói: “Ta vô can trong vụ đổ máu người này. Mặc các người liệu lấy”.

Các thượng tế và kinh sư cùng đám đông hòa theo họ hiểu rất rõ cử chỉ của Phi-la-tô, và họ chấp nhận: “Máu hấn cứ đổ trên đầu chúng tôi và con cháu chúng tôi.” Phi-la-tô nhượng bộ hoàn toàn: “Bấy giờ ông thả Ba-ra-ba cho họ, còn Đức Giê-su thì ông truyền đánh đòn, rồi trao nộp Người để Người chịu đóng đinh vào thập giá.”

Có những điều nghịch lý cần nghiên ngẫm ở đây.

Các thượng tế và kinh sư phủi tay với Giu-đa: “Can gì đến chúng tôi. Mặc kệ anh.”

Phi-la-tô rửa tay trước mặt họ: “Ta vô can trong vụ đổ máu người này. Mặc các người liệu lấy.”

Câu hỏi của ông chứng tỏ ông biết và nhìn nhận Chúa Giê-su vô tội và đám đông hiểu ông muốn nói gì. Khi định đoạt về số tiền Giu-đa quăng trả lại, các thượng tế và kinh sư biết đó là “giá máu”. Nhưng trong phút quyết liệt này họ nhận trách nhiệm: “Máu hấn cứ đổ trên đầu chúng tôi và con cháu chúng tôi”.

Họ không biết là máu Chúa Giê-su là “máu Giao ước đổ ra cho muôn người được tha tội”.

Cái vô lý là tất cả: Giu-đa, Phi-la-tô, các thượng tế và kinh sư, đều nhìn nhận Chúa Giê-su vô tội nhưng vẫn bắt Chúa phải chết.

Giu-đa nhìn nhận: “Tôi đã phạm tội nộp máu người vô tội.”

Phi-la-tô với “bàn tay sạch” trao Chúa Giê-su để chịu đánh đòn. [Đánh đòn là để cho mau chết trên thập giá]. “Rồi ông trao nộp Chúa Giê-su để Người chịu đóng đinh vào thập giá”.

Mt kể vắn tắt như thể lính đánh đòn rồi điếu đi đóng đinh không qua trước mặt Phi-la-tô nữa, nhưng câu tóm tắt vừa nêu lại cho thấy là hai hồi khác nhau và đều có sự chỉ đạo của Phi-la-tô: “Ông truyền đánh đòn rồi trao nộp để Người chịu đóng đinh vào thập giá.”

Lính của tổng trấn thực hiện việc đổ máu.

Đáng vô tội thì im lặng như con chiên bị đem đi làm thịt, “Người chẳng hề mở miệng.”

Lính đem Chúa Giê-su đi đánh đòn, chế diễu dựa trên câu hỏi đầu tiên họ đã nghe từ miệng Phi-la-tô: “Ông có phải là vua dân Do Thái không?”

“Chế diễu chán... chúng điếu Người đi đóng đinh vào thập giá”.

Thế là Giu-đa nộp máu người vô tội, Phi-la-tô cũng nộp máu người vô tội.

Các thượng tế và đám đông hứng máu người vô tội cho mình và cho con cháu.

Mt 27,25 viết: “toàn dân đáp lại: Máu hấn cứ đổ trên đầu chúng tôi và con cháu chúng tôi”. Trong lịch sử, người Ki-tô hữu thường hiểu rằng dân Do Thái bị tan tác vì đã đổ máu Chúa Giê-su. Nhưng Sách Thánh không cho phép giải thích như vậy, bởi vì Máu Chúa Giê-su là máu ban ơn tha tội như chính Chúa tuyên bố khi lập bí tích Thánh Thể. Thư gửi tín hữu Hip-ri cũng nói: “Anh em đã tới cùng vị trung gian Giao Ước Mới là Đức Giê-su và được Máu của Người rảy xuống, máu đó kêu lên còn mạnh hơn cả máu A-ben” (Hr 12,24). Máu A-ben kêu lên xin Thiên Chúa xét xử, còn máu Chúa Giê-su “mạnh hơn” vì đem lại ơn tha tội và đưa vào Giao Ước mới.

“Ông Phi-la-tô thấy đã chẳng được ích gì mà còn thêm náo động” (27,25)

Cái “ích” mà Phi-la-tô tìm là cái gì? Ông muốn tha Chúa Giê-su hay muốn dân để cho ông yên? Nếu ông muốn tha “người công chính” vì “ông thừa biết vì ghen tị mà họ nộp Người” thì đề nghị của ông là sai lầm lớn. Nếu ông muốn bênh vực công lý thì ông chỉ có một đường là thi hành trách nhiệm và chấp nhận hậu quả. Ông cứ việc tuyên bố tha Chúa Giê-su vì không có lý do gì để buộc tội. Nhưng cái “ích” mà ông tìm là được yên thân! Khi quyết định “trao nộp Người để chịu đóng đinh vào thập giá” thì ông cũng đi vào cái vòng di chuyển của họ: “vì ghen tị mà họ nộp Người” cho ông và gào xin “đóng đinh nó vào thập giá”, đến lượt ông thì vì muốn yên thân “ông trao nộp Người để chịu đóng đinh vào thập giá” như họ xin.

Tất cả những điều nghịch lý, những cái biết và không biết Mt gợi cho người đọc trình thuật cuộc Thương Khó này tới đây đã cho thấy là những gì ngôn sứ Isaia mô tả trong bài ca “người tôi tớ đau khổ” (52,13 – 53,12) được thực hiện rất sát. Bài ca này làm rõ nghĩa cái chết có vẻ vô nghĩa của Chúa Giê-su. Đến đây có thể tạm ngừng để nghiên ngẫm bài ca của Isaia một lần trước khi đọc tiếp bài Thương Khó.

8. Chúa Giê-su trên thập giá.

“Lính điệu Chúa Giê-su đi đóng đinh vào thập giá. Đang đi ra, chúng gặp một người Ky-rê-nê, tên là Si-môn, chúng bắt ông vác thập giá của Người”.

Mt không nói tại sao lại như vậy và chúng ta cũng đừng “chia trí” đi hỏi tại sao. Hãy nhìn hình ảnh Si-môn vác thập giá và để cho những lời khác trong sách Tin Mừng vang vọng trong tâm trí để hiểu Mt muốn truyền đạt điều gì.

Chúa Giê-su đã tuyên bố điều kiện để theo Chúa là vác thập giá. Những người đã theo Chúa bấy lâu nay đều đã bỏ chạy. Si-môn Phê-rô, người thề thốt hùng hồn quyết liệt nhất thì đã chối Chúa nhanh hơn gà gáy và bây giờ đang ngồi đâu đó khóc lóc thảm thiết. Lính gặp một người trùng tên Si-môn, chỉ có điều ông là người Ky-rê-nê, bên kia Địa Trung Hải... tình cờ đi ngang bị lính gặp và bắt vác thập giá của Chúa.

Thập giá của Chúa?! Thật ra thì cả trình thuật đã cho thấy rõ là Chúa vô tội, mọi người trong cuộc đều nhận ra là Chúa vô tội. Vậy thì thập giá này là của ai? Của mỗi người chúng ta là kẻ có tội đấy. Chúa vác là để cho chúng ta có thể vác mà đi đằng sau Chúa. Vác thập giá một mình và đi một mình thì chẳng có nghĩa gì cả. Si-môn vác thập giá là hình tượng người môn đệ đúng nghĩa Mt khắc họa cho chúng ta đấy.

Chúng cho Người uống rượu pha mật đắng (Tv 69,22) đến đây Mt kể những chi tiết gọi nhớ các thánh vịnh về người công chính bị bách hại: 69; 38; 22 và 18. Các thánh vịnh là lời kinh quen thuộc của các tín hữu, nên chỉ cần nêu lên những từ ngữ quen thuộc trong đó là người nghe liền kết được liền và thấy rõ Chúa Giê-su đang chịu số phận của người công chính bị bách hại. Lời sách Thánh ứng nghiệm đến từng chi tiết.

Đóng đinh Người vào thập giá xong... Mt không nói đến hình dạng cây thập giá cũng không nói đến những chi tiết khác, chúng ta cũng đừng “chia trí”, cứ theo sát những gì được kể cho chúng ta. Chúng đem áo Người ra bắt thăm. Rồi chúng ngồi đó mà canh giữ Người” (Tv 22,18-19).

“Người này là Giê-su, vua dân Do Thái”. Đó là bản án viết treo trên thập giá phía trên đầu Người. Thế là Phi-la-tô chiếu tướng ngược! Phi-la-tô đã hỏi Chúa Giê-su “Ông có phải là vua dân Do Thái không”; dĩ nhiên là ông nghe qua những kẻ nộp Chúa Giê-su cho ông. Phe lãnh đạo và đám đông nhất định đòi đóng đinh người vô tội, mặc dù Phi-la-tô nuối tha. Bị áp lực phải đổ máu người vô tội thì Phi-la-tô biến thành công trạng của mình, bằng cách viết bản án như thế. Ông có thể báo cáo thành tích là đã đóng đinh được vua dân Do Thái, mọi người đều có thể làm chứng cho ông! Chuyện sẽ đến tai Hoàng đế ở Rô-ma và Phi-la-tô sẽ được ghi công.

Một bất ngờ nữa trước mắt chúng ta: “Cùng bị đóng đinh với Người, có hai tên cướp, một tên bên phải, một tên bên trái”. Điều Chúa Giê-su chất vấn những kẻ đến bắt Chúa thì bây giờ họ trả lời: họ đặt Chúa giữa hai tên cướp, coi như Chúa là tướng cướp. Hợp như lời Kinh Thánh: “Người bị liệt vào hàng tội nhân” (Is 53,12).

“Kẻ qua người lại đều nhục mạ người”. Dấu đỏ bìm leo. Những cám dỗ của Xa-tan trong hoang địa bây giờ trở thành khúc khải hoàn với một giàn hợp xướng nhiều bè: kẻ qua người lại, thượng tế và kinh sư, hai tên cùng bị đóng đinh. Điệp khúc là một biến tấu của câu “Nếu hấn là Con Thiên Chúa”. Nỗi đau xé lòng ngực Chúa Giê-su trên thập giá vì không chỉ Người, mà chính Chúa Cha bị nhục mạ, thách đố.

*“Âu cũng vì Ngài mà con bị người đời thóa mạ, chịu nhuốc như phủ lấp mặt mày...
Lời thóa mạ làm tim này tan vỡ, con héo hắt rã rời,
Nỗi sầu riêng mong người chia sẻ, luống công chờ không được một ai,
đợi người an ủi đôi lời, trông mãi trông hoài mà chẳng thấy đâu”
Thay vì đồ ăn chúng trao mặt đắng, con khát nước lại cho uống giấm chua.” --(Tv 69,8.21-22).*

9. Thiên Chúa trả lời

“Từ giờ thứ sáu, bóng tối bao phủ cả mặt đất, mãi đến giờ thứ chín”.

Lời mô tả này gợi cho chúng ta hình ảnh cuộc hiển linh của Thiên Chúa để phán xét: “Ta sẽ truyền cho mặt trời lặn giữa trưa, và khiến cho mặt đất tối sầm giữa lúc ngày đang sáng.” (A-mốt 8,9) và cũng là để cứu độ. Khi đưa dân Chúa ra khỏi Ai Cập, “Chúa giăng mây làm màn che phủ họ” (Tv 105,39; x.Xh 14,19).

Khi Thiên Chúa xuống trên núi Xi-nai để ban truyền Luật Giao Ước thì “Núi bốc lửa cao đến tận trời, trong bóng tối mây đen mù mịt. Đức Chúa phán với anh em từ trong đám lửa, anh em nghe thấy tiếng nói nhưng không thấy hình bóng nào, chỉ có tiếng thôi” (Đnl 4,11-12).

Cả ba khung cảnh này đều có thể giúp chúng ta hiểu về bóng tối giữa trưa. Thiên Chúa đến phán xét và cứu Con của Người đồng thời xác lập Giao Ước bằng Máu của Chúa Giê-su. Thiên Chúa trả lời những kẻ thách đố: “Hấn cậy vào Thiên Chúa thì bây giờ Thiên Chúa đến cứu hấn đi, nếu quả thật Người thương hấn! Vì hấn đã nói: Ta là con Thiên Chúa”. Chính Thiên Chúa đã nói với Chúa Giê-su ở bờ sông Gio-đan và với các môn đệ ở trên núi. Thiên Chúa hiển linh, lấy bóng tối che cho Con trong cuộc Vượt Qua này. Thánh vịnh 18 (17) diễn tả cảnh người công chính tin tưởng vào Chúa và kêu cầu khi “sóng tử thần dồn dập chung quanh...” thì:

“Chúa nghiêng trời ngự xuống, chân đạp lớp mây mù, ngự trên thân họ giá, trên cánh gió lượn bay: Chúa dùng bóng tối làm màn bao phủ, lấy mây đen nghịt làm trướng che thân...” (câu 10-12)

Trong quang cảnh hiển linh ấy, Mt cho chúng ta nghe lời cầu nguyện của Chúa Giê-su qua thánh vịnh 22(21), là thánh vịnh diễn tả rất sát hình ảnh Chúa Giê-su bị treo trên thập giá. Lời cầu nguyện cũng bị xuyên tạc để chế diễu. Có kẻ đưa giấm lên cho Chúa uống: ứng nghiệm thánh vịnh 69,22. Thánh vịnh 18 vừa kể trên: “Lúc ngặt nghèo tôi kêu cầu Chúa... Từ Thánh Điện Người đã nghe tiếng tôi cầu cứu” (câu 7).

“Đức Giê-su lại kêu lên một tiếng lớn rồi trút hơi” (dịch sát bản Hy Lạp). Tiếng hét này gọi lên tiếng của Thiên Chúa phán xét và tiếng của Con Thiên Chúa đã nát tan kiệt sức. Cha Con gặp nhau trong một tiếng hét chung, làm nên nét bi hùng nhất:

Khi Thiên Chúa hiển linh để bênh vực Đấng Ngài đã xúc dầu: “Nổi trận lôi đình Ngài quát nạt”(Tv 2,5); “Chúa nổi sấm vang trời, Đấng Tối Cao lớn tiếng”(Tv 18,14).

Tv 38,9: “Bị suy nhược, nát tan kiệt sức, Tim hét gào thì miệng phải rống lên”.

10. Khai mở một kỷ nguyên mới.

“Bỗng bức màn trướng trong Đền Thờ xé ra làm hai từ trên xuống dưới.” Bức màn trướng trong Đền Thờ tức là bức màn ngăn nơi Cực Thánh, mỗi năm thượng tế qua bức màn này vào phía trong nơi Cực Thánh một lần ngày lễ xá tội (Xh 26,31-34; 36,35-36 và Levi,16). Thư Hip-ri, chương 9 diễn tả ý nghĩa của cái chết hiến tế của Chúa Giê-su: Nơi Cực Thánh trong Đền Thờ chỉ là hình bóng: “Thánh Thần tỏ cho biết là lối vào thánh điện chưa được mở bao lâu lều thứ nhất vẫn còn đó” (Hr 9,8). “Đức Ki-tô đi qua một cái lều lớn hơn và hoàn hảo hơn... Máu của Đức Ki-tô còn thanh tẩy lương tâm chúng ta... để chúng ta phụng thờ Thiên Chúa hằng sống. Đó là máu của Đấng đã tự hiến tế, làm lễ vật vô tì tích cho Thiên Chúa, nhờ Thần Khí hằng hữu thúc đẩy. Bởi vậy Người là trung gian của một Giao Ước Mới” (Hr 9,11-15).

“Đất rung đá vỡ, mồ mả bật tung, và xác của nhiều vị thánh đã an nghỉ được trỗi dậy”. Khi Thiên Chúa ngự xuống trên núi Xi-nai thì “cả núi rung chuyển mạnh” (Xh 19,18). Khi Thiên Chúa xuất hiện để bênh vực người công chính: “Trái đất bỗng âm âm rung chuyển, chân núi đồi chấn động lung lay và Chúa nổi lôi đình” (Tv 18,8).

Bóng tối và động đất là dấu hiệu hiển linh của Thiên Chúa. Với cái chết của Chúa Giê-su, Thiên Chúa đã hiển linh để khai mở một kỷ nguyên mới, trong đó Thiên Chúa thật sự “ở với chúng ta”, không còn bức màn ngăn cách.

Cuộc hiển linh này là cuộc chiến thắng cả trong cõi chết: Chúa Giê-su đi vào cõi chết, tiêu diệt cả quyền lực của cái chết vốn ngự trị từ khi tội lỗi vào được thế giới loài người.

Mt sử dụng một ngôn ngữ hình ảnh và âm thanh rất hiện đại để gọi cho chúng ta cảnh Chúa Giê-su đi vào cõi chết và chiến thắng.

Chúng ta hãy mừng tượng một cuốn phim, trong đó vị anh hùng phải tiêu diệt cho được một kẻ thù hung dữ vốn ẩn núp rất kỹ. Cuối cùng trên màn hình chúng ta thấy vị anh hùng một mình một súng thận trọng từng bước tiến về một ngôi nhà trong rừng sâu mà ta chỉ đoán được vì có một đốm lửa phía trước... rồi ta bỗng nghe tiếng súng nổ, lửa chớp qua khung cửa sổ vừa bật tung... rồi im lặng... vị anh hùng với họng súng còn bốc khói đứng giữa mấy cái xác chết, trong một góc, mấy người bị bắt làm con tin đang ngóc đầu lên, vừa mừng vừa sợ.

“Thấy động đất và các sự việc xảy ra, viên đại đội trưởng và những người cùng ông canh giữ Đức Giê-su đều rất sợ hãi và nói: ‘Quả thật ông này là Con Thiên Chúa’”. Những người ngoại đạo nhận ra ý nghĩa của các dấu hiệu. Mt 8, 5-13 đã kể chuyện một viên đại đội trưởng đến xin Chúa chữa một tên đầy tớ của ông và được Chúa khen: “Tôi không thấy một người nào trong dân It-ra-en có lòng tin như thế” và Chúa tuyên bố: “Từ phương Đông phương Tây, nhiều người sẽ đến dự tiệc cùng Ap-ra-ham, I-xa-ac và Gia-cop trong Nước Trời”. Lời ấy đã thành sự thật ngay lúc này. Họ đã nhận ra sự hiển linh của Thiên Chúa. Họ là những người đầu tiên nhận ra vị anh hùng đến giải cứu.

“Ở đó, có nhiều phụ nữ đứng nhìn từ đằng xa. Các bà này đã đi theo Đức Giê-su từ Ga-li-lê để phục vụ Người...” Nhìn hình ảnh này, chúng ta lại chột hỏi, các bà đứng đây, tuy đứng nhìn từ đằng xa, còn những người môn đệ thân tín thì đâu hết rồi! Mt cho chúng ta thấy nét quang cảnh người “tội nhân lâm cơn cùng khốn” mô tả trong thánh vịnh 38,12: “Con bị tai ương, người thân kẻ nghĩa chẳng tới gần, bà con ruột thịt cũng đứng xa”. Chúa Giê-su vô tội nhưng đã bị liệt vào hàng tội nhân và chịu tất cả thân phận của một tội nhân, “nhưng thực ra Người đã mang lấy tội muôn người” (Is 53,12).

“Chiều đến, có một người giàu sang đến...”. Mt tiếp tục gọi cho chúng ta hình ảnh người tội tớ đau khổ, bị liệt vào hàng tội nhân, chết giữa các tội nhân nhưng lại có phần mộ với người giàu có (Is 53,9). Ông Giô-xép người A-ri-ma-thê, là người giàu sang mà cũng là môn đệ Đức Giê-su, lần đầu tiên xuất hiện trong sách Tin Mừng. Ông xin được xác Đức Giê-su, “lấy tấm vải gai sạch mà liệm và đặt vào ngôi mộ mới ông đã đục sẵn trong núi đá, dành cho ông.”

Thế là thập giá của Chúa thì ông Si-môn vác nhưng Chúa chịu đóng đinh trên đó, còn mộ của ông Giô-xép thì chính ông lại đặt xác Chúa Giê-su vào đó, “lăn tảng đá lấp cửa mộ, rồi ra về. Thế là trọn vẹn: người đã chết và chịu mai táng vì đã mang lấy tội lỗi của chúng ta.

Một lần nữa Mt kéo chúng ta chú ý tới hai người phụ nữ cùng mang tên Maria, hai bà ngồi lại đó, quay mặt vào mộ. Hình ảnh chuyển tiếp sang cảnh tiếp theo.

Ta hãy tạm ghi nhận tên các nhân vật: Giô-xép và Maria. Mở đầu sách tin Mừng, Mt đã kể trong gia phả: “ông Gia-cóp sinh ông Giu-se, chồng của bà Maria, do bà mà Đức Giê-su sinh ra, gọi là Ki-tô”. Trong phần đầu gia phả có tên ông Gia-cóp. Ông Gia-cóp cũng có một người con tên là Giu-se, người đã bị bán sang Ai Cập, nhưng lại cứu được cả gia đình khỏi chết đói bằng cách đưa cả gia đình sang Ai Cập. Ông Giu-se mới cũng có nhiệm vụ cứu “hài nhi và mẹ người” khỏi tay He-ro-đê bằng cách trốn sang Ai Cập.

Khi Chúa Giê-su chết thì lại có một ông Giu-se cứu xác Chúa khỏi bị quăng vào hồ tập thể, mai táng đàng hoàng trong ngôi mộ của ông, có hai bà cùng tên Maria ngồi quay vào mộ.

Trong truyện Mô-sê thì Mô-sê được đặt trong thúng, thả giữa đám sậy trên sông Nin, có “người chị (tên là Maria) đứng đàng xa để xem cho biết cái gì sẽ xảy ra...” (Xh 2,1-5).

Cùng với hai bà ta hãy chờ xem cái gì sẽ xảy ra!

11. Chuyện bịp bợm cuối cùng, hồi một.

Giết được Chúa Giê-su rồi mà phe thượng tế và kinh sư vẫn chưa chịu ngồi yên. Họ đến xin Phi-la-tô cho niêm phong và đặt lính canh mộ. Họ gọi Chúa Giê-su là “tên bịp bợm” và họ cũng biết lời Chúa báo trước là “sau ba ngày Ta sẽ trỗi dậy”, họ sợ môn đệ “đến lấy trộm xác rồi phao trong dân là hắn đã từ cõi chết trỗi dậy. Và như thế chuyện bịp bợm cuối cùng này sẽ còn tệ hại hơn chuyện trước”.

Lối châm biếm của Mt thật là thú vị. Chúa bị bắt thì môn đệ chạy trốn hết, còn ai mà đến lấy trộm xác! Có một ông môn đệ “chui” bỗng dung xuất hiện thì lại đi xin xác mà chôn. Niêm phong và đặt lính canh để làm gì? Để làm chứng là Chúa đã sống lại thật à?!

Hãy chờ xem ai là kẻ bịp bợm, đâu là chuyện bịp bợm trước và đâu là chuyện bịp bợm cuối cùng?

12. Tin Mừng chiến thắng

“Khi ngày thứ nhất trong tuần sắp bắt đầu”, ta lại thấy hai bà trùng tên Maria hôm trước ngồi quay vào mộ bây giờ đi ra mộ.

“Bỗng đất rung chuyển dữ dội; thiên sứ của Chúa từ trời xuống, đến lăn tảng đá ra, rồi ngồi lên trên, diện mạo Người như ánh chớp, và y phục trắng như tuyết”.

Đất lại rung chuyển dữ dội như khi Chúa Giê-su trút hơi. Lần này thì không thấy đá vỡ, nhưng có sứ thần của Chúa từ trời xuống lăn tảng đá lấp cửa mồ ra, rồi ngồi lên trên. Mt cho biết ngay nhân vật này là sứ thần của Chúa từ trời xuống, diện mạo như ánh chớp, áo

trắng như tuyết, so với lúc Chúa Giê-su hiển dung: “dung nhan Người chói lọi như mặt trời và y phục Người trở nên trắng tinh như ánh sáng” thì thua xa. Vậy thì đúng là thiên sứ chứ không phải là chính Chúa Giê-su phục sinh. Sau khi Chúa Giê-su chiến thắng Xatan trong hoang địa thì “có các thiên sứ đến hầu hạ Người”, hôm nay Chúa Giê-su đã chiến thắng tử thần, vào trong vinh quang, thì thiên sứ đến với diện mạo như ánh chớp để long trọng mở cửa mồ và ngồi lên trên. Hình ảnh rõ ràng diễn tả sự chiến thắng, như trong đồ vật, người chiến thắng ngồi lên trên kẻ thua. Hình ảnh gợi lên thánh vịnh 110,1: “Bên hữu Cha đây Con lên ngự trị, để rồi bao địch thù, Cha sẽ đặt làm bệ dưới chân con.”

Tình thế đảo ngược: “Thấy Người, lính canh sợ hãi run rẩy và ra như chết” (dịch sát).

Còn các bà thì được thiên sứ cho biết là “phe ta” và cho biết cái gì đã xảy ra trong ngôi mộ mà hôm trước các bà đã ngồi nhìn: “Phần các bà, các bà đừng sợ! Tôi biết các bà tìm Đức Giê-su, Đấng chịu đóng đinh. Người không có ở đây, vì Người đã trỗi dậy như Người đã nói. Các bà đến mà xem chỗ Người đã nằm, rồi mau về nói với môn đệ Người như thế này: Người đã trỗi dậy từ cõi chết, và Người đi đến Ga-li-lê trước các ông. Ở đó, các ông sẽ được thấy Người. Đây, tôi xin nói cho các bà hay.”

Thế là chuyện mà mấy ông thượng tế và Pha-ri-sêu lo sợ thì đã xảy ra, nhưng không phải như họ tưởng tượng: Người không còn trong mộ. Đất sợ rung chuyển mạnh, lính sợ run lẩy bẩy, ra như chết; Thiên sứ từ trời xuống phục vụ: mở cửa, tiếp khách, trả lời, mời các bà vô nơi Người đã nằm mà kiểm chứng, truyền đạt mệnh lệnh. Mọi sự đúng như lời Chúa đã báo trước. Ngay trên đường ra núi Ô-liu, khi Chúa Giê-su báo trước việc các môn đệ tan tác thì Chúa đã bảo “sau khi trỗi dậy Thầy sẽ đến Ga-li-lê trước anh em.”

“Các bà vội vã rời khỏi mồ, vừa sợ hãi, vừa rất đổi vui mừng, chạy về báo tin cho các môn đệ Đức Giê-su”. Đi báo Tin mừng thì lòng đầy vui mừng, phải vội vã chứ làm sao mà đi chậm được!

Nhưng Chúa Giê-su cũng nóng ruột không chờ được. Chúa đón gặp các bà, cho các bà niềm vui được thấy, được ôm lấy chân Chúa và được nghe chính Chúa truyền lại điều thiên sứ nói.

13. Chuyện bịp bợm cuối cùng, hồi cuối.

Trong khi các bà rất đổi vui mừng chạy đi báo tin, được Chúa đón gặp, cho niềm vui trọn vẹn và xác nhận sứ mạng của các bà là đi báo tin cho các môn đệ, thì bọn lính canh cũng hoàn hồn, lo lắng chạy về báo cáo cho những người đã trao nhiệm vụ cho họ “biết mọi việc đã xảy ra”. Lại một phen lúng túng hơn nữa. Họ họp, bàn và có giải pháp: tiền! lại tiền! Công quỹ thiếu gì tiền! Người Việt nam thế kỷ 21 cũng nói: “Tiền nhà nước tiêu như nước”. Hôm trước họ cho Giu-đa ba chục đồng bạc để nộp Chúa cho họ, hôm nay “họ cho lính một số bạc lớn, và bảo: Các anh hãy nói như thế này: ‘Ban đêm đang lúc

chúng tôi ngủ, các môn đệ của hắn đã đến lấy trộm xác'. Nếu sự việc này đến tai tổng trấn, chính chúng tôi sẽ dàn xếp với ông ấy và lo cho các anh được vô sự”.

Thế là vừa có tiền vừa được nhà cầm quyền che chở!

Thực tế hai ngàn năm trước lại phản ánh đúng bài về trào phúng của người Việt Nam thế kỷ hai mươi mốt, khai triển câu châm ngôn “có tiền mua tiên cũng được”:

*“Ôi đồng tiền,
là tiên là phật,
là sức bật của con người,
là tiếng cười của tuổi trẻ,
là sức khỏe của người già,
là cái đà của danh vọng,
là cái lọng để che thân,
là cán cân của công lý.
Ôi đồng tiền: hết ý”.*

“Lính đã nhận số bạc và làm theo lời họ dạy. Câu chuyện này được phổ biến giữa người Do Thái cho đến ngày nay”.

Chỉ cần có một giọt trí khôn cũng đủ để biết thắc mắc: “Sao bọn lính có nhiệm vụ canh gác mà lại ngủ? Ngủ thì làm sao biết là môn đệ đến lấy trộm xác? Sao lính không hoàn thành nhiệm vụ mà không bị phạt? Sau này trong sách Công Vụ (ch. 12,1-19), một toán lính 16 người canh ngục giữ ông Phê-rô. Ban đêm thiên thần vào ngục giải cứu ông Phê-rô. Đến sáng cửa ngục vẫn đóng, lính vẫn gác nghiêm chỉnh chứ không ngủ, nhưng không thấy ông Phê-rô đâu! Cả 16 người đã bị vua Agrippa truyền xử tử.

Nhưng chuyện cho tiền bọn lính để ra quán rượu tung tin, cũng làm trọn thêm lời thánh vịnh:

*“Bọn ngồi lê đôi mách cứ gièm pha,
Quán rượu chè cũng đặt về châm chọc” --(Tv 69,13)*

Thế là bằng một lời châm biếm thâm thúy, Mt vạch cho thấy ai là kẻ bịp bợm, đâu là sự bịp bợm cuối cùng. Thượng tế và kỳ mục là giới lãnh đạo, có nhiệm vụ dạy dỗ dân, đã thành thầy dạy sự dối trá.

14. Gia phả tiếp tục với những người rao giảng sự thật.

Mt tiếp tục kể chuyện mười một môn đệ sau khi nhận được tin nhắn của Chúa Giê-su: “Về Ga-li-lê gặp lại”. Tin nhắn vẫn gọn được tiết lộ cho chúng ta không nói rõ điểm hẹn. Nhưng các môn đệ biết điểm hẹn: “các ông đến ngọn núi Đức Giê-su đã truyền”.

Trong truyện tở phụ Ap-ra-ham, Thiên Chúa truyền cho ông: “Hãy đem con một yêu dấu của ngươi là I-xa-ac, hãy đi đến xứ Mô-ri-gia mà dâng nó làm lễ toàn thiêu ở đây, trên một ngọn núi Ta sẽ chỉ cho” (St 22,3). Trong cuộc tế lễ này Thiên Chúa đã liệu một con cừu để thế cho I-xa-ac, rồi Thiên Chúa phán với ông Ap-ra-ham: “Ta lấy chính Danh Ta mà thề: bởi vì ngươi đã làm điều đó, đã không tiếc con của ngươi, con một của ngươi, nên Ta sẽ thi ân giáng phúc cho ngươi, sẽ làm cho dòng dõi ngươi nên đông, nên nhiều như sao trên bầu trời, như cát ngoài bãi biển...” (22,16-17).

Hôm nay Con thiên Chúa, sau khi dâng mình làm hy lễ, chỉ thị cho các môn đệ về xứ Ga-li-lê, đến ngọn núi Chúa đã truyền. Hai ngọn núi này liên hệ gì với nhau? Cả hai đều không có tên, nhưng trước là ngọn núi Thiên Chúa truyền cho Ap-ra-ham, sau là ngọn núi Chúa Giê-su đã truyền cho các môn đệ.

Tới nơi các ông gặp thấy Chúa đang chờ, “các ông bái lạy, nhưng có mấy ông lại hoài nghi”. Chúa cũng chẳng cần sửa dạy thêm, nhưng: “Chúa đến gần, nói với các ông”. Hôm Chúa lên núi để giảng (núi ấy cũng không có tên!) thì “Chúa ngồi xuống, các môn đệ tới gần, Chúa mở miệng dạy”, hôm nay thì “các ông bái lạy, Chúa đến gần, nói với các ông”.

Hôm nay Chúa không dạy các ông nữa mà truyền cho các ông đi dạy. Hối sai các ông đi thực tập, Chúa bảo “không được đến với dân ngoại”, nhưng hôm nay vì Chúa đã được (Chúa Cha) trao mọi quyền trên trời dưới đất, nên Chúa sai các ông đi “làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ... và dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em”.

Còn Chúa làm gì? “Này đây, Thầy ở với anh em mọi ngày cho đến tận thế.”

Chúa Giê-su là Thiên Chúa ở cùng chúng ta, Chúa đã nhận mọi quyền trên trời dưới đất và ở với chúng ta mọi ngày cho đến tận thế. Bọn lính được sai đi tung tin dối trá thì có tiền và có nhà cầm quyền bảo trợ. “Lính đã nhận số bạc và làm theo lời họ dạy”. Các môn đệ được sai đi làm cho muôn dân trở thành môn đệ và dạy họ tuân giữ mọi điều Chúa đã truyền thì không có tiền, không được nhà cầm quyền bảo trợ, nhưng có “Thiên Chúa ở cùng chúng ta”, Đấng đã nhận mọi quyền trên trời dưới đất trực tiếp ở với họ mọi ngày cho đến tận thế.

Hai ngọn núi.

Trên ngọn núi Thiên Chúa truyền cho Ap-ra-ham đem con lên tế lễ, Thiên Chúa hứa ban cho ông dòng dõi đông đúc và nhờ dòng dõi ông muôn dân sẽ được chúc phúc (22,16-18).

Trên ngọn núi Chúa Giê-su truyền cho các môn đệ lời Thiên Chúa hứa cho Ap-ra-ham được thực hiện. Chúa Giê-su vừa là dòng dõi Ap-ra-ham vừa là Con Thiên Chúa, đã đầu thai bởi quyền năng Thánh Thần và là Thiên Chúa ở cùng chúng ta, đứng trên núi này để sai nhóm Mười Một đi làm cho muôn dân thành môn đệ, bằng cách làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần và dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Người đã truyền cho các ông.

Thế là gia phả từ Ap-ra-ham tới Chúa Giê-su không ngừng lại nhưng tiếp tục và mở rộng đến mọi dân tộc nhờ quyền năng Thánh Thần, mọi dân tộc thành dòng dõi Ap-ra-ham nhờ phép rửa và giáo huấn của Chúa Giê-su.

Hai người phụ nữ cùng mang tên Maria.

Từ chương thứ hai, Mt đã gọi cho chúng ta đối chiếu với chuyện Mô-sê và dân It-ra-en bên Ai-cập trong sách Xuất Hành.

Pha-ra-ô ra lệnh cho hai bà đỡ phải trông chừng khi đỡ cho các bà mẹ Hip-ri, thấy con trai thì giết, thấy con gái thì cho sống. Hai bà kính sợ Chúa nên không làm theo lệnh vua. Vua hỏi thì các bà nói là các bà mẹ Hip-ri khỏe lắm, bà đỡ chưa tới kịp thì họ đã sanh rồi. Hai bà trùng tên Maria, đi ra mộ, tới nơi thì mộ đã mở toang rồi và thiên sứ đón ở cửa báo tin: Người không còn ở đây vì Người đã trời dậy rồi. Cửa mồ đã mở, sự sống mới đã ra khỏi mồ rồi.

Khi Mô-sê bị bỏ trong đám sậy ở sông Nin, thì người chị tên là Maria đứng xa xa trông chừng xem chuyện gì sẽ xảy ra. Hai bà cùng tên Maria đã đứng xa xa nhìn xem khi Chúa Giê-su bị thả trong dòng nước của đau khổ và cái chết, rồi hai bà ngồi nhìn vào mộ. Khi thấy công chúa đã vớt em lên thì Maria chạy lại hỏi: bà có muốn con tìm cho bà một người mẹ để nuôi em bé này không. Công chúa đồng ý. Maria chạy về gọi mẹ ra... Hai bà Maria đi ra mộ để xem lại (Mt không nói là hai bà đem thuốc thơm để ướp xác), được tin Chúa đã trời dậy, vội vã chạy về báo tin cho môn đệ.

Nghệ thuật kể chuyện của Mt ở phần này đạt tới đỉnh cao: không lý giải, nhưng gọi những hình ảnh để cho chúng ta chiêm ngắm và nghiền ngẫm mà cảm nếm ý nghĩa của những điều xảy ra, từ lúc Chúa đi vào cuộc Thương Khó cho đến lúc Chúa gặp lại các môn đệ trên núi, vì ngôn ngữ loài người không thể diễn tả hết được.

Linh Mục Giu-se Nguyễn Công Đoan, S.J.

Kính thưa Quý vị, đặc biệt các bạn trẻ,

Trong số những người thân của chúng ta. Không phải tất cả đều đã có máy điện toán (vi tính) hoặc có dùng E-mail, hoặc đã có thể nhận được những tài liệu này.... Vì vậy, xin

hãy ủng hộ chúng tôi bằng cách phổ biến tài liệu này bằng E-mail hoặc in ra, photocopy và gửi cho người thân của Quý vị. Đặc biệt xin gửi cho những ai chưa có sử dụng internet.

Xin chân thành cảm ơn

conggiaovietnam@gmail.com

<http://www.conggiaovietnam.net>

Nguồn: Internet E-mail by conggiaovietnam@gmail.com chuyển

*Đăng ngày Thứ Tư, April 2, 2014
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, SĐND, QL-VNCH*